

Bản án số: 13/2025/HS-PT

Ngày: 18-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ủng và ông Dương Hà Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Y R; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2025/QĐXXPT-HS ngày 03-3-2025.

- Bị cáo có kháng cáo: Y R, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKHKTT: Buôn P, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Buôn T, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Ê đê; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y S, sinh năm 1968 và bà H' W, sinh năm 1970; có vợ là H' D, sinh năm 1996 và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà La Thị Phương O, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn dân sự: Công ty TNHH thương mại VLXD QT

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm L, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 11/4/2024, Y R là lái xe của Công ty TNHH Thương mại VLXD QT, có giấy phép lái xe hạng C, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 47C-230.29 theo hướng từ huyện E, tỉnh Đắk Lắk đến huyện C, tỉnh Đắk Nông để bốc xếp hàng hóa cho Công ty. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, Y R điều khiển xe trên đường liên xã thuộc Buôn EP, xã T, huyện C từ hướng đường Hồ Chí Minh đến thôn A, xã N, huyện C. Khi đi đến ngã tư giao nhau với đường đồng cấp,

Y R không giảm tốc độ, không chú ý quan sát nên dẫn đến phần đầu bên phải xe ô tô BKS 47C-230.29 do Y R điều khiển đã tông vào phần yếm bên trái của xe mô tô BKS 47H1-055.05 do bà La Thị Phương O điều khiển đi từ hướng Buôn N, xã T đến thôn D, xã T, là hướng đi từ bên phải sang bên trái so với hướng đi của Y R. Sau khi xảy ra tai nạn, Y R cùng người dân đưa bà O đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện C, sau đó chuyển tuyến trên tiếp tục điều trị. Hậu quả bà La Thị Phương O bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 89%, xe ô tô BKS 47C-230.29 và xe mô tô BKS 47H1-055.05 bị hư hỏng.

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông là ngã tư đường bê tông giao nhau giữa hướng đi từ Buôn N, xã T đến thôn D, xã T với hướng đi từ đường Hồ Chí Minh, xã T đến thôn A, xã N. Mặt đường phẳng, tầm nhìn không bị che khuất. Hướng đi từ đường Hồ Chí Minh vào ngã tư mặt đường rộng 6,7m; hướng từ thôn A, xã N vào ngã tư mặt đường rộng 6m; hướng đi từ Buôn N, xã T vào ngã tư rộng 4m; hướng từ thôn D, xã T vào ngã tư rộng 4m. Lấy mép lề chuẩn bên phải của mặt đường theo hướng đi từ đường Hồ Chí Minh, xã T đến thôn A, xã N làm lề chuẩn 1 và lấy mép lề chuẩn bên phải của mặt đường theo hướng đi từ Buôn N, xã T đến thôn D, xã T làm lề chuẩn 2 để đo vẽ hiện trường. Lấy trụ điện số 483CJU/49/51 làm mốc đo vẽ hiện trường, phát hiện: (1) ký hiệu vết xước kích thước (KT) (25,75x0,2)m, đo từ đầu vết xước đến lề chuẩn 1 là 1,65m và đến trụ điện số 483CJU/49 là 12,9m; cuối vết xước đến lề chuẩn 1 là 3,9m; đầu vết xước đến lề chuẩn 2 là 1,6m. (2) ký hiệu vết cày KT (0,4x0,08x0,005)m, đo đầu vết cày đến lề chuẩn 1 là 2m; cuối vết cày đến lề chuẩn 1 là 2,15m, đo từ đầu vết xước đến đầu vết cày là 0,4m. (3) ký hiệu ô tô 47C-230.29, đầu xe hướng về thôn A, N, cuối xe hướng ra đường Hồ Chí Minh; Tâm trục bánh trước bên phải xe đến lề chuẩn 1 là 3,25m; tâm trục bánh sau bên phải xe đến lề chuẩn 1 là 2,75m và đến đầu vết xước (1) là 9,95m. (4) ký hiệu vết trượt KT (1,5x0,13)m, đầu vết trượt đến lề chuẩn 1 là 3,15m, cuối vết trượt nằm dưới lớp bánh trước bên phải của xe ô tô (3). (5) ký hiệu mô tô 47H1-055.05, nằm nghiêng sang bên phải, đầu xe mô tô hướng lề chuẩn 1, cuối xe quay về lề trái theo hướng đi từ Đường Hồ Chí Minh, đến thôn A, xã N; tâm trục trước đến lề chuẩn 1 là 3,05m, tâm trục sau xe mô tô đến lề chuẩn 1 là 4,3m; gác để chân sau bên phải xe mô tô trùng với cuối vết xước (1). (6) ký hiệu vết máu loang KT (0,25 x0,15)m, đo từ tâm (6) đến lề chuẩn 1 là 5,4m và đến tâm trục sau xe mô tô (5) là 1,25m.

(T) ký hiệu là tâm ngã tư, là điểm giao nhau giữa tim đường của hướng đi từ Buôn N, xã T đến thôn D, xã T với hướng đi từ đường Hồ Chí Minh, xã T đến thôn A, xã N. Tâm ngã tư đến lề chuẩn 1 là 3,15m, đến lề chuẩn 2 là 2,18m và đến đầu vết xước (1) là 1,47m.

Ký hiệu B1, B2, B3 và B4 là biển báo giao nhau đường đồng cấp của các hướng đường trước khi vào ngã tư. B1, B2, B3 và B4 cách T là 98m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

- Khám nghiệm xe ô tô 47C-230.29 phát hiện các dấu vết:

Toàn bộ nắp capô bị lệch so với vị trí ban đầu, chiều hướng từ dưới lên trên từ trước ra sau, lệch lên 1cm, lệch sang trái 2cm. Phần trên, trước, bên phải nắp capô

bị móp méo biến dạng kích thước (90 x 70) cm chiều hướng từ trước ra sau từ phải qua trái, khu vực bị móp méo lún xuống 4cm so với vị trí ban đầu.

Phần trên, trước, bên phải nắp capô bị móp méo, biến dạng, bong tróc sơn màu cam, kích thước (14x22) cm, chiều hướng từ trước ra sau từ phải qua trái.

Hộp bảo vệ cụm đèn chiếu sáng, đèn chuyển hướng trước bên phải bị bể vỡ hoàn toàn kích thước (22x52) cm. Choá đèn chiếu sáng bên phải bị rạn nứt, đèn chuyển hướng trước bên phải bị bể vỡ hoàn toàn.

Ốp bảo vệ cản trước bên phải bị bung rời khỏi vị trí ban đầu 16cm, chiều hướng từ trên xuống dưới. Ốp bảo vệ cản trước bên phải bị móp méo biến dạng bong tróc sơn màu cam trong vùng kích thước (55x90) cm; trong khu vực này phần tiếp giáp với mép dưới bên phải của lưới thông gió dưới bị bể vỡ bong tróc sơn kích thước (16x14)cm, lún theo chiều hướng từ trước ra sau 5cm và tâm vết xuống mặt đất 55cm; mép dưới bên phải ốp bảo vệ cản trước bên phải bị bể vỡ bong tróc sơn trong vùng kích thước (55x25)cm.

Ốp bảo vệ cản trước bên phải bị đẩy lùi từ trước ra sau, từ phải qua trái lệch so với vị trí ban đầu 2cm; Ốp bảo vệ cản trước bên trái bị lệch theo chiều hướng từ phải qua trái so với vị trí ban đầu 1cm.

Viền nhựa màu đen, phía trước, bên phải nắp capô có vết xước kích thước (4,5x0,3)cm theo chiều hướng từ dưới lên trên từ trước ra sau; 2/5 dè chắn bùn bánh trước bên phải bị bể rời khỏi vị trí ban đầu.

- Khám nghiệm xe mô tô 47H1-055.05 phát hiện các dấu vết:

Gọng kính chiếu hậu bên trái bị đẩy lùi từ trước về sau, lệch so với vị trí ban đầu 5cm. Phần đầu trước tay phanh bên trái có vết xước mài mòn kim loại KT (1 x 1)cm, phần chân của tay phanh này bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu. Ốp bảo vệ đèn chiếu sáng bị bung rời, lệch khỏi vị trí ban đầu 2cm. Mặt ngoài trước tay nắm lái bên phải có vết mài mòn kim loại bám dính bê tông KT (1,5 x 2)cm. Hộp bảo vệ đèn chuyển hướng bên trái bị bung rời khỏi vị trí ban đầu 1 cm.

Yếm chắn gió phần trên bên trái bị bể vỡ nhựa trong vùng KT (30 x 36)cm, đo từ tâm vết xuống mặt đất có khoảng cách là 56cm. Mép phải của hộc đựng đồ phía trước bên trái bị bể vỡ nhựa trong vùng KT (13 x 13)cm. Phần gác để chân trước bên trái bị móp méo biến dạng KT (30 x 9)cm, chiều hướng từ trên xuống dưới từ trái qua phải. Yên xe bị gãy bung rời khỏi vị trí ban đầu. Ốp nhựa dưới trước yên xe bị bể vỡ khỏi vị trí ban đầu. Phần đầu khung kim loại bên trái dưới hộp đựng đồ dưới yên xe bị gãy rời lệch khỏi vị trí ban đầu 7 cm.

Mặt ngoài dưới tại khớp nối khung thân xe với phần khung sau có vết mài mòn kim loại, bám dính bê tông KT (3,5 x 2) cm, chiều hướng vết từ dưới lên trên từ sau tới trước. Mặt ngoài gác để chân sau bên trái có vết xước kim loại KT (2 x 1)cm, trên vết có bám dính sơn màu cam. Mặt ngoài cần đạp nổ xe có vết xước kim loại KT (16 x 1,5)cm, trên vết có bám dính sơn màu cam. Mặt dưới ngoài ốp tản nhiệt bị mài mòn nhựa, kim loại KT (10 x 5)cm. Mặt ngoài ống nối giữa ống xả với máy có vết mài mòn kim loại KT (5x3)cm.

Kết quả dựng lại hiện trường:

Ghi nhận các dấu vết từ 01 đến 5, điểm T, điểm mốc, lề chuẩn theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/4/2024 và 18/4/2024.

Cho Y R điều khiển xe ô tô BKS 47C-230.29 và cho người điều khiển xe mô tô 47H1-055.05 theo hướng đi, phần đường đi như trước, trong khi xảy ra tai nạn giao thông. Tại vị trí Y R phát hiện xe mô tô BKS 47H1-055.05 và vị trí hai xe va chạm thì dừng lại, ghi nhận như sau: (6) là vị trí khi Y R điều khiển xe ô tô 47C-230.29 phát hiện xe mô tô BKS 47H1-055.05, trực trước bên phải của (6) cách lề chuẩn 1 là 0,95m, cách đầu vết (1) là 7,9m, cách tâm T là 7,35m; trực sau bên phải cách lề chuẩn 1 là 1,08m. (7) là vị trí xe mô tô BKS 47H1-055.05 khi Y R phát hiện, trực trước của (7) cách lề chuẩn 1 là 2,25m, đến đầu vết (1) là 3,9m, đến tâm T là 5,5m; trực sau (7) cách lề chuẩn 1 là 3,49m; từ tâm trực trước của (7) đến trực trước bên phải (6) là 8,6m. (8) là vị trí xe ô tô BKS 47C-230.29 tại thời điểm va chạm, tâm trực bánh trước bên phải (8) đến lề chuẩn 1 là 1,7m và đến T là 1,4m; tâm trực bánh sau bên phải (8) đến lề chuẩn 1 là 1,3m. (9) là vị trí xe mô tô BKS 47H1-055.05 tại thời điểm va chạm, tâm trực bánh trước (9) đến lề chuẩn 1 là 2,4m, đến T là 0,85m và đến tâm trực trước bên phải (8) là 1,3m; tâm trực bánh sau (9) đến lề chuẩn 1 là 1,2m. (10) là khu vực va chạm đầu tiên giữa phần đầu xe bên phải (ốp bảo vệ cản trước) của xe ô tô BKS 47C-230.29 với phần hông xe bên trái (yếm chắn gió bên trái) của xe mô tô BKS 47H1-055.05 chiếu vuông góc xuống mặt đường, tâm khu vực va chạm đầu tiên cách mặt đường 0,55m. Vị trí (10) đo đến tâm trực trước phải (9) là 0,2m, đến lề chuẩn 1 là 2,23m, đến đầu vết xước (1) là 0,8m, đến trụ điện 483CJU/49/51 là 14m. (10) nằm trong khu vực ngã tư và thuộc phần đường của xe ô tô 47C-230.29 và xe mô tô 47H1-055.05.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số: 200/KLTgTHS-TTPY ngày 18/7/2024 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông, kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà La Thị Phương O là 89%.

Tại Bản kết luận giám định số: 1062/KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống lốp của xe ô tô BKS 47C-230.29 không bị sự cố trong thời điểm trước, trong và sau khi xảy ra va chạm vụ tai nạn giao thông vào ngày 11/4/2024.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2024, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Cư Jút kết luận giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 47C-230.29 vào ngày 11/4/2024 là 29.600.000đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2024, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Cư Jút kết luận giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS 47H1-055.05 vào ngày 11/4/2024 là 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Y R phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Y R 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/01/2025, bị cáo Y R kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt, nội dung: Xin được hưởng án treo. Ngày 07/3/2025, bị cáo có đơn bổ sung nội dung kháng cáo, cụ thể: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Y R:

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Sau khi gây tai nạn, bị cáo đã tích cực đưa người bị hại đi cấp cứu, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và được bị hại có đơn đề nghị không khởi tố vụ án, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú về hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo; tuy vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình tiết giảm nhẹ này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng; mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y R, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Y R **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáo Y R phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Trọng Sơn